TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 599/2024/DS-PT
Ngày: 10 - 12 - 2024
V/v tranh chấp "*Hợp đồng vay tài sản*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Thanh Vân.

Các Thẩm phán:Bà Đỗ Thị Minh Nguyệt

Bà Nguyễn Thị Ánh Phương

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Bùi Vũ Tố Trang, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang:*** Bà Phan Thị Thanh Xuân - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 10 tháng 12 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 482/2024/TLPT-DS ngày 29 tháng 10 năm 2024 về tranh chấp "*Hợp đồng vay tài sản*".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 82/2024/DS-ST ngày 31 tháng 5 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố M, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 540/2024/QĐ-PT ngày 06 tháng 11 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Trần Đình D , sinh năm 1967. (Có mặt)

Địa chỉ: Tổ C, Khu phố C, Phường H, thành phố P, tỉnh Bình Thuận.

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị C , sinh năm 1947. (Vắng mặt)

Địa chỉ: 7 T, Khu phố T, phường T, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện theo ủy quyền: anh Lê Trường X, sinh năm 1991. (Có mặt)

Địa chỉ: Số A T, phường I, thành phố M, tỉnh Tiền Giang. (Theo giấy ủy quyền ngày 01/7/2024) (Bút lục 84-85)

3. Người kháng cáo: bị đơn Nguyễn Thị C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm,

Nguyên đơn ông Trần Đình D trình bày:

Nguyên vào ngày 29/08/2014, do là người thân trong gia đình nên bà Nguyễn Thị C (ông gọi bằng mợ) có mượn của ông số tiền là 70.000.000 đồng để sử vào việc riêng, hai bên có thỏa thuận là khi nào cần ông sẽ lấy lại số tiền đó và cho bà C biết trước thời hạn là 02 tháng, tiền lãi suất hai bên thỏa thuận là 3%/tháng, bà C là người trực tiếp nhận tiền của ông.

Thời gian nửa năm sau vợ ông lâm bệnh nặng, 02 con của ông còn nhỏ đi học nên hoàn cảnh gia đình gặp rất nhiều khó khăn. Ông có gặp và yêu cầu bà C trả lại ông số tiền mượn để ông có tiền điều trị bệnh cho vợ ông (ông đã nói cho bà C biết trước 02 tháng). Đến ngày đúng hẹn, ông đến lấy tiền thì bà C lại cứ hẹn lần hẹn lựa tháng này qua tháng khác và chỉ trả được cho ông được 5.000.000 đồng vào năm 2021, ông đòi nhiều lần nhưng vẫn cứ hứa hẹn và bà C lại viện lý do khi nào bán được Khách sạn tại Mũi Né P thì bà mới có tiền trả.

- Sau 5 năm, nhiều lần ông điện thoại, năn nỉ và yêu cầu bà C hoàn trả tiền cho ông, bà C hứa hẹn cho qua và tiền lãi cũng không đóng cho ông, điện thoại thì lại tắt máy, tìm gặp trực tiếp thì lánh mặt, sự việc kéo dài cho đến nay. Rất là nhiều lần tìm gặp bà C, ông yêu cầu trả nợ thì bà C trả cho ông được 25.000.000 đồng tiền lãi và đến nay không trả nợ cho ông.

Sau khi vay bà C có trả lãi cho ông nhiều lần, cụ thể như sau: bà C trả 4.200.000 đồng vào tháng 9/2014, tháng 6/2020 trả 10.000.000 đồng, tháng 8/2020 trả 5.000.000 đồng, tháng 9/2020 trả 5.000.000 đồng, tháng 10/2020 trả 5.000.000 đồng; năm 2021 trả 5.000.000 đồng, tổng cộng 34.200.000 đồng. Từ năm 2021 đến nay bà C không có trả lãi cho ông nữa, các lần trả lãi này ông có ký tên nhận tiền lãi của bà C 02 lần không nhớ rõ năm nào, chuyển khoản 3 lần vào tháng 8, 9, 10/2020. Nay ông yêu cầu bà C trả tiền vốn 70.000.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 29/8/2014 cho đến khi xét xử sơ thẩm, tạm tính đến ngày 15/4/2024 là 115 tháng, ông đồng ý trừ đi 34.200.000 đồng tiền lãi, ông đã nhận của bà C: 70.000.000đ x 1,66% x 115 tháng = 133.630.000 đồng – 34.200.000 đồng tiền lãi đã nhận, còn lại là 99.430.000 đồng tiền lãi.

Ông xác định số tiền 70.000.000 đồng là ông cho bà C mượn theo biên nhận ngày 29/8/2014, các chữ viết trong Giấy vay mượn tiền đều do ông viết, bà C ký tên tại mục người mượn, không có ghi họ, tên. Ông xác định ông chỉ khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị C trả tiền vay và tiền lãi cho ông, ông có nộp cho Tòa án USB và bản Băng chứng ghi âm đề ngày 10/01/2024, nội dung ghi âm là tiếng nói của ông và bà C vào ngày 07/8/2022, bà C hứa sẽ trả tiền cho ông trong vòng 4 tháng. Nay ông yêu cầu bà Nguyễn Thị C phải hoàn trả lại cho ông số tiền đã mượn là 70.000.000 đồng tiền vốn gốc và tiền lãi suất cho đến khi xét xử, tạm tính đến ngày 15/4/2024 là 99.430.000 đồng, tổng cộng: 169.430.000 đồng, yêu cầu trả một lần khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Bị đơn bà Nguyễn Thị C trình bày: Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, nhưng bà C vắng mặt, cũng không gửi cho Tòa án văn bản trình bày ý kiến của mình về việc nguyên đơn khởi kiện.

Bản án dân sự sơ thẩm số: 82/2024/DS-ST ngày 31 tháng 5 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố M, tỉnh Tiền Giang đã quyết định:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 474 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 463, Điều 466, Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015; Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Trần Đình D.

- Buộc bà Nguyễn Thị C có nghĩa vụ trả cho ông Trần Đình D số tiền vốn 70.000.000 đồng và tiền lãi 91.320.500 đồng (tiền lãi tính từ ngày 29/8/2014 đến 31/5/2024), tổng cộng vốn, lãi: 161.320.500 đồng (Một trăm sáu mươi mốt triệu ba trăm hai mươi ngàn năm trăm đồng). Thời gian thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ chậm thi hành án, nghĩa vụ chịu án phí, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo của đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 01 tháng 7 năm 2024, bị đơn là bà Nguyễn Thị C có đơn kháng cáo một phần bản án dân sự sơ thẩm, yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang giải quyết: không chấp nhận yêu cầu nội dung khởi kiện của nguyên đơn; Không chấp nhận yêu cầu trả tiền gốc và lãi như đã tuyên án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Nguyên đơn ông Trần Đình D giữ nguyên yêu cầu khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị C trả cho ông 161.320.500 đồng.

- Người kháng cáo bà Nguyễn Thị C giữ nguyên yêu cầu kháng cáo một phần bản án sơ thẩm, yêu cầu cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm theo hướng chỉ chấp nhận một phần yêu cầu của ông D.

- Ông Trần Đình D đồng ý với yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị C. Đồng ý cho bà C trả 70.000.000 đồng tiền vốn và 40.000.000 đồng tiền lãi tổng cộng là 1110.000.000 đồng. Trả làm hai lần: ngày 10/12/2024 trả 20.000.000 đồng; ngày 20/12/2024 trả 90.000.000 đồng.

- Các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

- Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

+ Về việc chấp hành pháp luật từ khi thụ lý vụ án cho đến phiên tòa phúc thẩm: Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đều thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo Bộ luật Tố tụng dân sự qui định. Các đương sự thực hiện quyền, nghĩa vụ tham gia tố tụng đúng pháp luật tố tụng dân sự.

+ Về quan điểm giải quyết vụ án, tại phiên tòa ông Trần Đình D đồng ý với yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị C. Ý kiến ông D là tự nguyện không trái P. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án dân sự sơ thẩm số 82/2024/DS-ST ngày

31 tháng 5 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố M, tỉnh Tiền Giang theo hướng chấp nhận thỏa thuận của hai bên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, lời trình bày của các đương sự, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Nguyên đơn ông Trần Đình D yêu cầu bà Nguyễn Thị C trả cho ông 161.320.500 đồng nợ vay nên án sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản" là có căn cứ đúng qui định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Án sơ thẩm thụ lý giải quyết tranh chấp giữa nguyên đơn ông Trần Đình D với bị đơn bà Nguyễn Thị C là đúng thẩm quyền qui định tại Điều 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung kháng cáo: Đơn kháng cáo của bà Nguyễn Thị C là đúng qui định tại các Điều 272, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự, nên được cấp phúc thẩm chấp nhận xem xét giải quyết.

[4] Xét yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị C Hội đồng xét xử nhận thấy:

Tại phiên tòa ông Trần Đình D đồng ý với yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị C. Đồng ý cho bà C trả 70.000.000 đồng tiền vốn và 40.000.000 đồng tiền lãi tổng cộng là 110.000.000 đồng. Trả làm hai lần: ngày 10/12/2024 trả 20.000.000 đồng; ngày 20/12/2024 trả 90.000.000 đồng. Xét ý kiến ông Trần Đình D là tự nguyện không trái pháp luật, đạo đức xã hội. Do đó Hội đồng xét xử chấp nhận sửa một phần bản án sơ thẩm, công nhận sự thỏa thuận của các bên.

[5] Ý kiến đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang là phù hợp pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về án phí: Bà Nguyễn Thị C là người cao tuổi, trong giai đoạn phúc thẩm đã nộp đơn xin miễn án phí theo quy định nên được miễn án phí sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308; khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 148, Điều 300 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 357, Điều 466; Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015; Nghị quyết 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị C, sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm số 82/2024/DS-ST ngày 31 tháng 5 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

2. Công nhận sự thỏa thuận giữa bà Nguyễn Thị C và ông Trần Đình D như sau:

Bà Nguyễn Thị C trả cho ông Trần Đình D số tiền 110.000.000 đồng. Trả làm hai lần: ngày 10/12/2024 trả 20.000.000 đồng; ngày 20/12/2024 trả 90.000.000 đồng. Thời hạn khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất qui định tại Điều 357 của Bộ luật Dân sự.

3. Về án phí:

Bà C được miễn án phí sơ, phúc thẩm theo quy định.

H lại ông D số tiền tạm ứng án phí đã nộp 1.750.000 đồng theo biên lai thu số 0024426 ngày 23/10/2023 và 2.369.000 đồng theo biên lai thu số 0005472 ngày 11/12/2023 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND thành phố M;
- Chi cục THADS thành phố M;
- Các đương sự;
- Phòng KTNV&THA;
- Cổng thông tin điện tử:
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thanh Vân